

# PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI QUẢN LÝ THANH TOÁN Ở VIỆT NAM

● ĐẶNG THỊ HUYỀN ANH

## TÓM TẮT:

Bài viết phân tích thực trạng phát triển kinh tế số ở Việt Nam hiện nay và chỉ ra những vấn đề đặt ra với quản lý thanh toán ở Việt Nam. Từ đó, bài viết đưa ra một số hàm ý chính sách nhằm giải quyết các vấn đề đối với quản lý thanh toán tại Việt Nam.

**Từ khóa:** kinh tế số, thương mại điện tử, fintech, quản lý thanh toán.

## 1. Đặt vấn đề

Khu vực kinh tế số thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận với tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ của các ứng dụng nền tảng số, khu vực kinh tế chia sẻ và thương mại điện tử. Tuy nhiên, sự phát triển gần đây của công nghệ tài chính cùng với quá trình số hóa nền kinh tế đã đặt ra những thách thức cho các nhà hoạch định chính sách cũng như Ngân hàng Trung ương về sự phù hợp của thể chế tài chính hiện tại và sự đáp ứng yêu cầu của các công cụ quản lý nhằm đảm bảo ổn định tài chính và hiệu quả của chính sách tiền tệ của Ngân hàng Trung ương trong vấn đề quản lý thanh toán và đảm bảo an ninh tiền tệ.

## 2. Thực trạng phát triển kinh tế số ở Việt Nam

### 2.1. Hạ tầng số

Hạ tầng kỹ thuật số là điều kiện cơ bản cho phát triển kinh tế số, quyết định tới khả năng và tốc độ chuyển đổi kỹ thuật số mỗi quốc gia. Theo báo cáo của CSIRO (2019), Việt Nam đang có ưu thế trên một số lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật cho phát triển kinh tế số, cụ thể là:

- Mạng 5G: Việt Nam là một trong những quốc

gia đầu tiên thử nghiệm mạng 5G từ năm 2020. Đến nay, cả 3 nhà mạng lớn tại Việt Nam gồm Viettel, Vinaphone, Mobifone đều đã triển khai mạng 5G tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và một số tỉnh, thành phố lớn.

- Giá cước dịch vụ internet: Theo dữ liệu khảo sát của Cable.co.uk, tính đến hết tháng 12/2020, Việt Nam nằm trong top 20 quốc gia có giá cước dịch vụ internet rẻ nhất thế giới. Trong khu vực, Việt Nam đứng thứ 6 tại châu Á và đứng đầu khu vực Đông Nam Á về mức giá cước internet thấp.

- Việc sử dụng dịch vụ internet và các dịch vụ băng thông rộng phát triển mạnh mẽ: Theo số liệu của Worldbank, tỷ lệ dân số sử dụng internet từ 30.65% năm 2010 đã lên tới 70,35% năm 2018, vượt xa các nước trong khu vực Đông Á (hơn 50%) và các nước thu nhập trung bình thấp (hơn 30%).

Với sự quyết tâm của Chính phủ trong cải thiện hạ tầng số nhằm tận dụng các cơ hội từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, phát triển hạ tầng số cải thiện mạnh mẽ từ năm 2019. Theo bảng xếp hạng của WEF (2019), chỉ số hấp thụ công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) của Việt Nam đã có sự

bứt phá đáng ghi nhận, từ thứ hạng 95 năm 2018 lên thứ hạng 41 năm 2019.

## 2.2. Khu vực công nghệ thông tin và truyền thông

Kinh tế số đang bùng nổ ở Việt Nam khiến đất nước ta được ví như là Thung lũng Silicon của Đông Nam Á. Các ngành công nghiệp đang có tốc độ phát triển nhanh nhất ở Việt Nam bao gồm: công nghệ tài chính, viễn thông, sản xuất máy tính và đồ điện tử cũng như các dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT&TT).

Đến thời điểm giữa năm 2018, số lượng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ICT đạt con số khoảng 30.000 doanh nghiệp và số lượng lao động trong ngành CNTT là 955.000 người (CSIRO, 2019). Tổng doanh thu từ ngành CNTT&TT có tốc độ tăng trưởng nhanh chóng, từ 7,6 tỷ USD năm 2010 lên 98,9 tỷ USD năm 2018. Tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm CNTT trong tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2010 là 8,4%, tương đương với các nước thu nhập trung bình thấp và bằng 1/3 khu vực Đông Á, đến nay đã bứt phá mạnh mẽ, vượt xa các nước thu nhập trung bình thấp và ngang bằng với các nước khu vực Đông Á. Việt Nam đang là điểm thu hút FDI từ các công ty công nghệ hàng đầu như Samsung, Intel, Dell và LG. Các doanh nghiệp CNTT&TT trong nước cũng đang có bước tăng trưởng rõ rệt với giá cổ phiếu năm 2018 đã tăng gấp 3 lần so với năm 2012, điển hình là các công ty lớn như VC Corp, Viettel và FPT.

Xu hướng phát triển trong lĩnh vực ICT được dẫn dắt chủ đạo bởi ngành công nghiệp phần cứng, đóng góp gần 90% tổng doanh thu của khu vực CNTT&TT. Công nghiệp phần mềm và dịch vụ số thấp, hai khu vực này cùng nhau chỉ đóng góp 5-6% tổng doanh thu của khu vực CNTT&TT (theo số liệu của Bộ Thông tin và Truyền thông 2018). Tuy nhiên, doanh thu của tất cả các ngành trong lĩnh vực CNTT&NT đều có sự tăng trưởng đều đặn trong 4 năm liên tục từ 2015 đến nay. Điểm đáng chú ý là, số lượng doanh nghiệp phần mềm trong nước đang gia tăng mạnh mẽ. Nếu như năm 2015, toàn quốc chỉ có 5.000 doanh nghiệp phần mềm thì con số này đã tăng gần gấp 2 lần, đạt 9.500 doanh nghiệp vào năm 2018; doanh thu phần mềm từ 2,6 tỷ USD năm 2015 cũng tăng 1,6 lần lên mức 4,3 tỷ USD hứa hẹn tiềm năng phát triển mạnh mẽ của khu vực này (CSIRO, 2019).

## 2.3. Nội dung số

Nội dung số bao gồm 2 lĩnh vực cơ bản là ngành sản xuất nội dung số và ngành dịch vụ nội dung số. Với tỷ lệ hơn 70% dân số sử dụng internet như hiện nay, truyền thông số là mảnh đất nhiều tiềm năng đối với doanh nghiệp CNTT tại thị trường Việt Nam. Bên cạnh sự phát triển mạnh mẽ của công nghiệp phần cứng và phần mềm, ngành sản xuất truyền thông số (bao gồm nội dung số và các dịch vụ số) tuy chiếm tỷ trọng chưa cao trong tổng doanh thu ngành CNTT&TT nhưng đang có xu hướng tăng trưởng liên tục trong thời gian qua.

Ngành sản xuất nội dung số gồm phát triển game trực tuyến, âm nhạc, phim và truyền hình trực tuyến. Năm 2016, doanh thu quảng cáo trực tuyến tại Việt Nam đạt 390 triệu USD thì năm 2018, con số này đạt 663 triệu USD, đứng thứ 35 thế giới với thị phần chủ yếu qua các công cụ quảng cáo qua mạng xã hội, chủ yếu là Google và Facebook (chiếm hơn 70% thị phần). Bên cạnh quảng cáo trực tuyến, trò chơi trực tuyến đang phát triển mạnh mẽ. Việt Nam đang trở thành một trong những thị trường trò chơi trực tuyến lớn nhất Đông Nam Á và đứng thứ 25/100 quốc gia có tổng doanh thu trò chơi điện tử lớn nhất thế giới.

Ngành dịch vụ nội dung số phổ biến hiện nay gồm các sản phẩm giáo dục (e-learning, e-training) các ứng dụng OTT trong trao đổi thông tin như ứng dụng mạng xã hội (facebook, twister, instagram...), ứng dụng liên lạc (Zalo, viber, skype, whatsapp, line...), các nội dung này được chuyển tải đến một thiết bị người dùng cuối và các nhà cung cấp dịch vụ internet chỉ chịu trách nhiệm vận chuyển các gói tín hiệu. Các ứng dụng OTT được ưa chuộng và phát triển mạnh mẽ tại Việt Nam, vì vậy một số công ty viễn thông lớn như Viettel và VNPT cũng triển khai cung cấp các sản phẩm OTT như Viettel Mocha hay Viettalk để khai thác thị trường này.

## 2.4. Thương mại điện tử

Là một trong những phân khúc ra đời sớm nhất và tăng trưởng nhanh nhất trong nền kinh tế số tại Việt Nam với tốc độ tăng trưởng của doanh số bình quân là 35%/năm, đạt 6.2 tỷ USD vào năm 2017.

Đối với loại hình doanh nghiệp với người tiêu dùng B2C: Theo báo cáo thương mại điện tử của Vecom, tỷ lệ doanh nghiệp đã xây dựng và sử dụng thường xuyên website nhằm quảng bá sản phẩm và bán hàng dao động quanh mức 43-46%

và không thay đổi nhiều trong các năm gần đây. Tuy nhiên, mạng xã hội lại là kênh chủ yếu được sử dụng trong quảng cáo và bán hàng. Khảo sát của Vecom cho thấy 49% doanh nghiệp có dùng mạng xã hội, 33% doanh nghiệp sử dụng công cụ search và 28% doanh nghiệp sử dụng tin nhắn, email để quảng cáo.

Bên cạnh những sản phẩm công nghệ thông tin thông thường như email, website, tin nhắn trong kinh doanh, các nền tảng thương mại và nền tảng thanh toán đang hỗ trợ thúc đẩy thương mại điện tử tại Việt Nam. Tuy nhiên, khảo sát của Vecom cho thấy chỉ 11-13% doanh nghiệp kinh doanh qua sàn, khoảng 600 doanh nghiệp xuất khẩu trên Alibaba và 140 doanh nghiệp trên Amazon.

Đối với loại hình doanh nghiệp với doanh nghiệp - B2B: Khảo sát của VECOM cho thấy trung bình giai đoạn 2010 - 2018, 88% doanh nghiệp sử dụng các phần mềm kế toán tài chính; 56% doanh nghiệp sử dụng phần mềm quản lý nhân sự. Các nhóm phần mềm chuyên sâu như quản lý khách hàng (CRM), quản lý chuỗi cung ứng (SCM) và quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP) còn ở mức thấp và không có sự tăng trưởng đáng kể.

Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng chữ ký điện tử tăng mạnh từ 23% năm 2012 lên 63% năm 2015, sau đó tỷ lệ này giữ ổn định, thậm chí giảm nhẹ trong những năm tiếp theo và đạt 61% vào năm 2018. Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử còn thấp, đạt 26% năm 2018.

### **2.5. Khu vực số hóa - các nền tảng và nội dung số**

Khu vực nền kinh tế số hóa (digitalized economy) đặc trưng bởi các mô hình kinh doanh dựa trên nền tảng số, kinh tế chia sẻ, tài chính số và gọi vốn cộng đồng.

Các nền tảng số và khu vực kinh tế chia sẻ mới du nhập vào Việt Nam trong 5 năm trở lại đây nhưng đã nhanh chóng phát triển mạnh mẽ tại Việt Nam trong nhờ nền tảng điện toán đám mây, tỷ lệ sử dụng điện thoại thông minh cao và internet phủ sóng toàn quốc. Nền tảng số phát triển trên nhiều lĩnh vực kinh doanh: giao thông vận tải, du lịch, đặt phòng, thanh toán, dịch vụ như giúp việc, sửa chữa nhà cửa... Việt Nam là quốc gia châu Á đầu tiên thu hút Uber, sau đó là một

loại công ty vận tải sử dụng nền tảng số như Grab, GoViet... gây sức ép cạnh tranh gay gắt tới các mô hình kinh doanh truyền thống.

Một trong những mô hình kinh doanh mới và thu hút được sự quan tâm của cộng đồng là các sản phẩm và dịch vụ công nghệ tài chính (Fintech). Tính đến hết năm 2017, Việt Nam mới có 48 công ty công nghệ tài chính thì đến tháng 6/2019 con số này đã lên 154 công ty. Với Fintech, nhiều mô hình và sản phẩm tài chính số hóa đã xuất hiện như ví điện tử (Mobile wallet), chuyển tiền ngang hàng (Peer-To-Peer transfer), thanh toán di động (Mobile payment), ngân hàng di động (Mobile banking), cho vay ngang hàng (Peer-To-Peer lending), huy động vốn cộng đồng (Equity-based crowdfunding), ngân hàng chuỗi khối (Blockchain banking), ngân hàng số (Digital banking). Cho vay ngang hàng cũng là nền tảng số bắt đầu phát triển. Cụ thể là Timma, Vaymuon và Mofin cung cấp các khoản vay cá nhân, còn Lendbiz cung cấp khoản vay cho doanh nghiệp. Tại Việt Nam, các Fintechs hiện nay chủ yếu hoạt động trong mảng thanh toán, cho vay ngang hàng và gọi vốn cộng đồng, trong đó, thanh toán vẫn là loại hình sản phẩm dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn nhất.

Ngoài ra, các Fintechs cũng bắt đầu mở rộng thêm các mảng kinh doanh về công nghệ bảo hiểm, công nghệ quản lý tài sản, tư vấn tài chính tự động... tuy nhiên các dịch vụ này vẫn ở giai đoạn sơ khai.

### **3. Sự phát triển của hoạt động thanh toán số tại Việt Nam**

Sự phát triển kinh tế số dẫn đến xu hướng phát triển tất yếu của thanh toán điện tử. Thống kê của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho thấy bình quân mỗi ngày có hơn nửa triệu giao dịch thanh toán điện tử thực hiện thành công với giá trị khoảng 289.000 tỷ đồng. Tính đến tháng 10/2020, số lượng giao dịch thanh toán qua Internet tăng 8,3% về số lượng và 25,5% về giá trị giao dịch so với cùng kỳ năm 2019. Tổng số lượng giao dịch qua hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng cũng tăng 7,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Các món thanh toán qua hệ thống chuyển mạch tài chính và bù trừ điện tử tăng 75,19% về số lượng và tăng 110,92% về giá trị so với năm 2019.

Tính đến tháng 10/2020, Việt Nam có 39 nhà

cung cấp dịch vụ phi ngân hàng được cấp phép, với 5 ví điện tử lớn nhất là Momo, Payoo, Moca, Zalo pay và Viettelpay. Theo số liệu từ Ngân hàng Nhà nước, tính đến năm 2019, có 4,2% dân số sử dụng ví điện tử và đang có xu hướng gia tăng mạnh mẽ, đặc biệt là do tác động của Covid-19. Tổng giá trị thanh toán điện tử năm 2018 đạt trên 73 triệu tỷ đồng, gấp 13 lần GDP và tăng 25% so với năm 2017, theo đó bình quân mỗi ngày có hơn nửa triệu giao dịch thanh toán điện tử thực hiện thành công với giá trị khoảng 289.000 tỷ đồng theo thống kê từ Ngân hàng Nhà nước. Lĩnh vực Fintech tại Việt Nam chủ yếu tập trung vào mô hình B2C (doanh nghiệp tới người tiêu dùng) nhằm hướng tới các dịch vụ bán lẻ. Tuy nhiên, sự phát triển của công nghệ tài chính với các ứng dụng nền tảng số không chỉ dừng ở các Fintech. Các ngân hàng cũng đang triển khai mạnh mẽ chuyển đổi số nhằm cùng cấp các nền tảng số, cũng như hợp tác với Fintech nhằm thúc đẩy quá trình đổi mới. Có thể kể đến sự hợp tác giữa VIB và Weezi Digital 2017 ra mắt ứng dụng thanh toán di động; hợp tác giữa ViettinBank và Opportunity Network năm 2018 hay VPBank và BeGroup.

Ngoài ra, kinh tế số cũng đem lại một loại hình thanh toán mới tại Việt Nam - Mobile Money. Mobile Money là sự kết hợp của tiền điện tử và sử dụng hạ tầng kỹ thuật di động để thực hiện các giao dịch tài chính và sử dụng cơ sở dữ liệu thuê bao di động để định danh khách hàng, đáng lưu ý là để mở tài khoản Mobile Money, khách hàng không cần có tài khoản ngân hàng. Do đó, Mobile Money với hơn 130 triệu thuê bao di động, khi triển khai hoàn toàn có thể “phủ sóng” đến các địa bàn vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Sự ra đời của Mobile Money tại Việt Nam hứa hẹn xu hướng phát triển mạnh mẽ của thanh toán không dùng tiền mặt trong tương lai gần.

#### **4. Một số vấn đề đặt ra và hàm ý chính sách**

Ngày nay, người tiêu dùng có thể thực hiện thanh toán điện tử thông qua các loại thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ và thẻ trả trước và gần đây hơn là cả các loại thiết bị kết nối internet, từ đồng hồ đến điện thoại di động. Cùng với đó là sự ra đời của Ngân hàng số (Digital Banking) - xu hướng phát triển mới, tất yếu của các ngân hàng trên thế giới và ở Việt Nam hiện nay. Ngân hàng số trở thành

một trong các hoạt động không thể thiếu trong một nền kinh tế số và hiện đang phát triển rất mạnh mẽ tại các quốc gia có thị trường tài chính, ngân hàng phát triển. Theo đó, cấu phần quan trọng của ngân hàng số là Thanh toán số - hệ quả trực tiếp của việc chuyển đổi số gần như toàn bộ các loại hình thanh toán mà ngân hàng có thể cung ứng. Sự phổ biến của các hệ thống thanh toán có thể làm tăng sự ổn định tài chính bằng cách tạo ra nhiều mức dự phòng, do đó, sự thất bại về công nghệ (hoặc các hình thức khác) của một hệ thống thanh toán sẽ không gây hại cho hệ thống tổng thể. Tuy nhiên, hệ thống thanh toán kỹ thuật số cũng có lỗ hổng công nghệ đáng kể, ngoài việc thiếu sự hỗ trợ chính thức, các hệ thống này có thể bị khủng hoảng niềm tin, do đó nếu điều này xảy ra tại thời điểm các hệ thống thanh toán chính thức bị loại bỏ do yếu tố cạnh tranh thì có thể dẫn đến những hậu quả tài chính và kinh tế vĩ mô khủng khiếp. Sự phân mảnh và thiếu sự giám sát của các hệ thống thanh toán cũng có thể dẫn đến rủi ro đối tác trong các trung tâm thanh toán, làm tăng thêm rủi ro vào thời điểm căng thẳng tài chính xảy ra.

Để đảm bảo khuôn khổ pháp lý cho hoạt động thanh toán số, cần tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến khu vực kinh tế số, như quy định rõ trách nhiệm giữa các bên trong các mô hình kinh tế số, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong quản lý đối với mô hình kinh tế số, đặc biệt là các mô hình kinh tế chia sẻ. Ngoài ra, cần tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các chính sách tạo lập môi trường kinh doanh và cạnh tranh, cũng như hợp tác giữa các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh chia sẻ và doanh nghiệp kinh doanh truyền thống, giữa các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài hoạt động kinh doanh dựa trên nền tảng số tại thị trường Việt Nam. Bên cạnh đó, cần tiếp tục nghiên cứu sửa đổi Luật Ngân hàng Nhà nước, Luật Tổ chức tín dụng và các quy định liên quan, trong đó chú trọng quản lý các mô hình, sản phẩm kinh doanh mới như Fintech, ví điện tử, dịch vụ ngân hàng điện tử, dịch vụ thanh toán mới không qua tài khoản ngân hàng; hoạt động đại lý thanh toán và đặc biệt là quy định liên quan đến chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư vào lĩnh vực thanh toán.

Ngoài ra, việc mở rộng thanh toán số sẽ có tác động đáng kể, tích cực đến tăng trưởng kinh tế trong tương lai. Bên cạnh cơ hội đem lại từ thanh toán số, cũng cho thấy những thách thức về mặt cạnh tranh, thị trường trong lĩnh vực thanh toán đối với ngân hàng thương mại/tổ chức vận hành hệ thống thanh toán và về mặt quản lý, giám sát đối với cơ quan quản lý dịch vụ thanh toán các nước. Với sự hỗ trợ của các công nghệ mới, hệ sinh thái thanh toán cũng trở nên mở hơn, phức tạp hơn với sự xuất hiện của vô số những “người chơi” mới, nhiều dịch vụ mới đa dạng cùng với quyền năng của khách hàng trong kỷ nguyên số ngày càng tăng. Ngân hàng Trung ương hay cơ quan quản lý thanh toán các nước cũng phải đối mặt với một số thách thức lớn, cụ thể là: (i) Vấn đề bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. (ii) Vấn đề an ninh mạng, đảm bảo tính riêng tư dữ liệu. Trong bối cảnh số hóa, bảo đảm quyền riêng tư của khách hàng trong khai thác, sử dụng, chia sẻ dữ liệu là công việc hết sức khó khăn. Điều này đòi hỏi Ngân hàng Trung ương/cơ quan quản lý thanh toán cũng phải chủ động học hỏi kỹ năng quản lý số, nắm bắt những xu hướng công nghệ mới liên quan, cũng như ban hành quy định tăng cường bảo vệ dữ liệu khách hàng.

Bên cạnh đó, công nghệ tài chính mới, bao gồm cả những công nghệ của tiền kỹ thuật số phi chính thức, có phạm vi truy cập sâu rộng hơn vào hệ thống tài chính, giúp xử lý các giao dịch thanh toán nhanh chóng và dễ dàng hơn, và chi phí giao dịch thấp hơn. Vì vậy, các hệ thống thanh toán trong nước và hệ thống thanh toán xuyên biên giới đang đứng trước sự biến đổi lớn, đòi hỏi phải giảm chi phí giao dịch xuống mức tối thiểu. Mặt khác, để đạt

được hiệu quả trong điều kiện bình thường, hệ thống thanh toán điện tử chính thức và hệ thống thanh toán phi tập trung cần phải thiết kế tương xứng về nền tảng công nghệ nhằm giảm thiểu rủi ro, mất niềm tin trong thời kỳ căng thẳng tài chính. Do đó, NHTW nên thống nhất việc cung cấp cơ sở hạ tầng thanh toán và thống nhất quản lý hệ thống thanh toán trong nền kinh tế.

Cuối cùng, kỹ năng số toàn diện là điều kiện cần thiết đảm bảo an ninh tiền tệ và thanh toán. Việt Nam cần phát triển chương trình đào tạo hướng đến xã hội hóa giáo dục công nghệ thông tin; cập nhật giáo trình CNTT gắn với các xu thế công nghệ như Internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo..., tạo điều kiện để học sinh, sinh viên tiếp cận lĩnh vực công nghệ thông tin càng sớm càng tốt; đẩy mạnh mạng lưới liên kết giữa các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp nhằm xây dựng các thế hệ công dân số trong thời đại mới.

### **5. Kết luận**

Làn sóng cách mạng công nghiệp 4.0 mang tới những tiềm năng và cơ hội chuyển đổi Việt Nam thành một nền kinh tế năng động và vượt trội trong khu vực nếu chúng ta tận dụng và khai thác được những cơ hội và thế mạnh nhất định. Tuy nhiên, tốc độ phát triển nhanh chóng của khu vực kinh tế số cũng dẫn đến những nguy cơ tiềm ẩn nếu hệ thống pháp luật và các chính sách quản lý vĩ mô nói chung, chính sách quản lý tiền tệ nói riêng không đáp ứng được nhu cầu thực tiễn. Trong phạm vi nghiên cứu, bài viết đưa ra đánh giá tổng thể thực trạng phát triển kinh tế số ở Việt Nam, từ đó chỉ ra những vấn đề đặt ra đối với hoạt động quản lý thanh toán trong điều kiện phát triển kinh tế số hiện nay ■

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

1. Abraham K., J. Haltiwanger, K. Sandusky K., and J. Spletzer. (2017). Measuring the Gig Economy: Current Knowledge and Open Issues. [Online] Available at [https://www.nber.org/system/files/working\\_papers/w24950/w24950.pdf](https://www.nber.org/system/files/working_papers/w24950/w24950.pdf)
2. Cavallo, Alberto. (2017). Are Online and Offline Prices Similar? Evidence from Large Multi-Channel Retailers. *American Economic Review*, 107, 283-203.
4. Cameron A, Pham T, Atherton J. (2018). *Vietnam Today - first report of the Vietnams Future Digital Economy Project*. Brisbane: CSIRO.

5. Cameron A, Pham T H, Atherton J, Nguyen D H, Nguyen T P, Tran S T, Nguyen T N, Trinh H Y & Hajkowicz S (2019). *Tương lai nền kinh tế số Việt Nam - Hướng tới năm 2030 và 2045*. Brisbane: CSIRO.
6. Franco, Pedro. (2015). *Understanding Bitcoin, Cryptography, Engineering and Economics*. United Kingdom: Wiley Finance Series.
7. Hileman, Garrick and Michel Rauchs. (2017). *Global Cryptocurrency Benchmarking Study*. Cambridge, UK: Cambridge Centre for Alternative Finance, Cambridge Judge Business School, University of Cambridge.
8. IMF.(2018). Measuring Digital Economy. [Online] Available at <https://www.imf.org/en/Publications/Policy-Papers/Issues/2018/04/03/022818-measuring-the-digital-economy>
9. Kastelein, Richard. (2017). What Initial Coin Offerings are, and Why VC Firms Care. [Online] Available at <https://hbr.org/2017/03/what-initial-coin-offerings-are-and-why-vc-firms-care>
10. OECD. (2017). Digital Economy - Outlook 2017. [Online] Available at [http://www.oecd-ilibrary.org/science-and-technology/oecd-digital-economy-outlook-2017\\_9789264276284-en](http://www.oecd-ilibrary.org/science-and-technology/oecd-digital-economy-outlook-2017_9789264276284-en)
11. OECD. (2018). Towards a Framework for Measuring the Digital Economy. [Online] Available at [https://www.oecd.org/iaos2018/programme/IAOS-OECD2018\\_Ahmad-Ribarsky.pdf](https://www.oecd.org/iaos2018/programme/IAOS-OECD2018_Ahmad-Ribarsky.pdf)

**Ngày nhận bài: 6/4/2021**

**Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 6/5/2021**

**Ngày chấp nhận đăng bài: 26/5/2021**

*Thông tin tác giả:*

**PGS.TS. ĐẶNG THỊ HUYỀN ANH**

**Học viện Ngân hàng**

## **DIGITAL ECONOMY DEVELOPMENT AND SOME PAYMENT MANAGEMENT PROBLEMS IN VIETNAM**

● Assoc.Prof. Ph.D **DANG THI HUYEN ANH**  
Banking Academy

### **ABSTRACT:**

This paper analyzes the current situation of digital economy development in Vietnam and points out some payment management problems in Vietnam. Based on the paper's findings, some policy implications are proposed to solve these payment management issues in Vietnam.

**Keywords:** digital economy, e-commerce, fintech, payment management.